**CHUYÊM MÔN ĐỊA LÝ**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 9. NĂM HỌC 2018-2019**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

- Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: dân cư – xã hội, các ngành kinh tế và 5 vùng lãnh thổ Việt Nam.

**2. Kỹ năng:**

- Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.

- Vẽ và phân tích biểu đồ

**II. Hình thức kiểm tra** Tự luận kết hợp trắc nghiệm : Tự luận 3 điểm , trắc nghiệm 7 điểm ( 28 câu)

**III. Nội dung ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Chủ đề 1**:  **Địa lý dân cư** | - Một đặc điểm dân cư - xã hội Việt Nam (dân số, gia tăng dân số, phân bố dân cư, đô thị hóa, lao động, việc làm) |  | Sử dụng bảng số liệu và biểu đồ dân cư Việt Nam. |  |
| ***Số tiết*** **: 4**  ***Tỉ lệ*** : **15 %**  ***Số điểm: 1,5*** | ***Số điểm 1= tỉ lệ 10%***  ***TN = 4 câu = 1 điểm***  ***TL = 0 câu = 0 điểm*** | ***Số điểm: 0 = tỉ lệ 0 %***  ***TN = câu = điểm***  ***TL = câu = điểm*** | ***Số điểm 0.5 = tỉ lệ 5%***  ***TN= 2 câu = 0.5 điểm***  ***TL = câu = điểm*** | ***Số điểm = tỉ lệ %***  ***TN = câu = điểm***  ***TL = câu = điểm*** |
| **Chủ đề 2**:  **Địa lý ngành kinh tế** | - Sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi.  - Thực trạng độ che phủ rừng của nước ta; vai trò của từng loại rừng.  - Nguồn lợi thuỷ, hải sản nước ta | - Ngành Dịch vu:  + Vai trò quan trọng của ngành dịch vụ.  + Hoặc tình hình phát triển hoặc phân bố của một số ngành dịch vụ. | Sử dụng bảng số liệu và biểu đồ kinh tế Việt Nam. |  |
| ***Số tiết*** : 9  ***Tỉ lệ*** : **35%**  ***Số điểm: 3.5*** | ***Số điểm 0,5= tỉ lệ 5 %***  ***TN = 2 câu = 0,5 điểm***  ***TL = 0 câu = 0 điểm*** | ***Số điểm 1 = tỉ lệ 10 %***  ***TN = 4 câu = 1 điểm***  ***TL =0 câu = 0 điểm*** | ***Số điểm 2 = tỉ lệ 20 %***  ***TN= 2 câu = 0.5 điểm***  ***TL = 1 câu = 1.5 điểm*** | ***Số điểm = tỉ lệ %***  ***TN = câu = điểm***  ***TL = câu = điểm*** |
| **Chủ đề 3**:  **Địa lý vùng kinh tế** | - Vị trí, giới hạn lãnh thổ của một vung lãnh thổ.  - Các trung tâm kinh tế lớn với các ngành kinh tế chủ yếu của từng trung tâm ở một vùng.  - Đặc điểm tự nhiên, hoặc tài nguyên thiên nhiên, hoặc đặc điểm dân cư xã hội của một vùng lãnh thổ. | - Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với việc phát triển kinh tế - xã hội một vùng.  - Những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm tự nhiên, dân cư xã hội đối với sự phát triển kinh tế - xã hội một vùng kinh tế .  - Tình hình phát triển các ngành kinh tế của một vùng. |  | - Giải thích một vấn đề kinh tế- xã hội của một vùng  - Đề xuất giải pháp để giải quyết một vấn đề kinh tế- xã hội của một vùng  - Liên hệ thực tế một vấn đề về tự nhiên, dân cư, xã hội của một vùng kinh tế. |
| ***Số tiết*** : 10  ***Tỉ lệ: 50%***  ***Số điểm: 5*** | ***Số điểm 1,5= tỉ lệ 15 %***  ***TN*** *= 6* ***câu = 1,5 điểm***  ***TL = 0 câu = 0 điểm*** | ***Số điểm 2 = tỉ lệ 20 %***  ***TN =*** *8* ***câu = 2 điểm***  ***TL =0 câu = 0 điểm*** | ***Số điểm 0 = tỉ lệ 0%***  ***TN= câu = điểm***  ***TL = câu = điểm*** | ***Số điểm 1,5= tỉ lệ 15 %***  ***TN = 0 câu = 0 điểm***  ***TL = 1 câu = 1.5 điểm*** |
| **Tổng số tiết: 23**  **Tỉ lệ 100 %**  **Tổng 10 điểm** | **Số điểm 3 = tỉ lệ 30 %**  **TN = 12 câu = 3 điểm** | **Số điểm 3 = tỉ lệ 30 %**  **TN = 12 câu = 3điểm** | **Số điểm 2, 5 = tỉ lệ 25 %**  **TN= 4 câu = 1 điểm**  **TL = 1 câu = 1,5 điểm** | **Số điểm 1,5 = tỉ lệ 15%**  **TL = 1câu = 1,5 điểm** |

**CHUYÊN MÔN ĐỊA LÝ**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ I - MÔN ĐỊA LÝ - LỚP 8 – NĂM HỌC 2018-2019**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

- Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Kinh tế châu Á, Các khu vực Châu Á.

**2. Kỹ năng:**

- Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.

- Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.

**II. Hình thức kiểm tra** Tự luận

**III. Nội dung ma trận**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề/ Nội dung** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **Kinh tế châu Á** | - Đặc điểm phát triển kinh tế của các nước ở châu Á.  - Tình hình phát triển của một trong các ngành kinh tế và nơi phân bố chủ yếu. | . | - Giải thích đặc điểm phát triển kinh tế chung của các nước châu Á hoặc của các nước điển hình. |  |
| **2 tiết**  **30%= 3,0 điểm** | **1 câu = 2,0 điểm**  **20% = 2,0 điểm** |  | **1 câu = 1,0 điểm**  **10% = 1,0 điểm** |  |
| **Các khu vực**  **châu Á** | - Đặc điểm nổi bật về tự nhiên hoặc dân cư hoặc kinh tế - xã hội của khu vực Tây Nam Á hoặc Nam Á hoặc Đông Á. | - Đặc điểm nổi bật về tự nhiên hoặc, kinh tế- xã hội của khu vực Tây Nam Á hoặc Nam Á hoặc Đông Á. |  | - Sử dụng số liệu thống kê về kinh tế- xã hội của một số quốc gia thuộc khu vực châu Á |
| **4 tiết**  **70% = 7,0 điểm** | **1 câu = 2.0 điểm**  **20% = 2,0 điểm** | **1 câu = 2,0 điểm**  **20% = 2,0 điểm** |  | **1 câu = 3,0 điểm**  **10% = 3,0 điểm** |
| **Tổng: 6 tiết**  **100% = 10 điểm**  **5 câu = 10 điểm** | **6,0 điểm = 60%**  **3 câu = 6,0 điểm** | | **4,0 điểm = 40%**  **2 câu = 4,0 điểm** | |

**CHUYÊN MÔN ĐỊA LÝ**

**MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ I . MÔN ĐỊA LÍ 7 – NĂM HỌC 2018-2019**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

- Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các môi trường Địa lí và Châu Phi

**2. Kỹ năng:**

- Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ, bảng số liệu.

- Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.

**II. Hình thức kiểm tra** Tự luận

**III. Nội dung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** |  | **Cộng** |
|  |  |  | **Cấp độ thấp** | **Cấp độ cao** |  |
| **Chủ đề 1:**  **Các môi trường Địa lý** | - Đặc điểm tự nhiên của một môi trường ( Ôn hòa, đới lạnh, hoang mạc.)  - Đặc điểm của ngành kinh tế nông nghiệp hoặc công nghiệp của đới ôn hoà. | - Đặc điểm tự nhiên của một môi trường (Đới ôn hòa,đới lạnh, hoang mạc..)  - Nguyên nhân sự phân bố các hoang mạc trên thế giới. | - Đặc điểm khí hậu một số môi trường qua biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa.  - Nguyên nhân, hậu quả của ô nhiễm môi trường đới ôn hòa | - Nhận xét và giải thích được sự gia tăng lượng khí thải ở đới ôn hòa qua bảng số liệu.  - Nguyên nhân làm hoang mac ngày càng mở rộng và biện pháp hạn chế sự phát triển của hoang mạc.  - Giải pháp cho vấn đề ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa. |  |
| **Số tiết: 11/16**  ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | ***1***  ***1,5 điểm***  ***(15%)*** | ***1***  ***1,5 điểm***  ***(15%)*** | ***1***  ***2 điểm***  ***(20%)*** | ***1***  ***2 điểm***  ***(20%)*** | **4**  **7 điểm *(70%)*** |
| **Chủ đề 2:**  **Châu Phi** | - Các đặc điểm tự nhiên châu Phi (địa hình, khí hậu, cảnh quan...)  - Kinh tế chung Châu Phi | - Đặc điểm khí hậu, cảnh quan châu Phi  - Những nguyên nhân kìm hãm sự phát triển KT châu Phi. |  |  |  |
| ***Số tiết: 5/16***  ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | ***1***  ***1,5 điểm***  ***(15%)*** | ***1***  ***1,5 điểm***  ***(15%)*** |  |  | **2**  **3 điểm *(30%)*** |
| **Cộng:**  ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | **2**  **3 điểm**  ***(30%)*** | **2**  **3 điểm**  **(*30%)*** | **1**  **2 điểm**  **(*20%)*** | ***1***  ***2 điểm***  ***(20%)*** | **6**  **10 điểm *(100%)*** |

**CHUYÊN MÔN ĐỊA LÝ**

**MA TRẬN KIỂM TRA HỌC KÌ I . MÔN ĐỊA LÍ 6 – NĂM HỌC 2018-2019**

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ học sinh một cách kịp thời.

- Kiểm tra các kiến thức, kĩ năng cơ bản ở các nội dung: Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả; Cấu tạo của Trái Đất; Các thành phần tự nhiên trên Trái đất

**2. Kỹ năng:**

- Củng cố các kĩ năng phân tích bản đồ

- Phân tích biểu đồ và bảng số liệu.

**II. Hình thức kiểm tra:** Tự luận

**III. Nội dung ma trận**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các chủ đề** | **NHẬN BIẾT** | **THÔNG HIỂU** | **VẬN DỤNG** | | **Tổng** |
| **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1. Các chuyển động của Trái Đất và hệ quả** | - Chuyển động tự quay quanh trục của trái đất.  - Chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất | - Hệ quả các chuyển động của Trái Đất quanh trục hoặc quanh mặt trời. |  |  |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỷ lệ %** | ***1***  ***1 điểm***  *(10%)* | ***1***  ***1 điểm***  *(10%)* |  |  | ***2***  ***2 điểm***  ***(20%)*** |
| **2. Cấu tạo của**  **Trái Đất** | - Đặc điểm của một trong các lớp  + Lớp vỏ  + Lớp trung gian  + Lõi Trái Đất. |  |  | - Một số giải pháp góp phần bảo vệ lớp vỏ trái đất. |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỷ lệ%** | ***1***  ***1 điểm***  *(10%)* |  |  | ***1***  ***1.5 điểm***  *(15%)* | ***2***  ***2.5 điểm***  ***(25%)*** |
| II. CÁC THÀNH PHẦN TỰ NHIÊN CỦA TRÁI ĐẤT  **1. Địa hình** |  | - Nội lực và ngoại lực.  - Độ cao và đặc điểm hình thái của các dạng địa hình: núi,đồng bằng và sơn nguyên | - Tác hại của động đất,núi lửa.  - Ý nghĩa của một trong các dạng địa hình đối với sự phát triển KT-XH | - Một số giải pháp phòng chống thiệt hại do động đất và núi lửa gây ra . |  |
| **Số câu**  **Số điểm**  **Tỷ lệ%** |  | ***1***  ***2 điểm***  ***(20%)*** | ***1***  ***2 điểm***  ***(20%)*** | ***1***  ***1.5 điểm***  ***(15%)*** | ***3***  ***5.5 điểm***  ***(55%)*** |
| **Cộng:**  ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ %*** | ***2***  ***2 điểm***  ***(20%)*** | ***2***  ***3 điểm***  ***(30%)*** | ***3***  ***5 điểm***  ***(50%)*** | | ***7***  ***10 điểm***  ***(100%)*** |